

Một số chỉ tiêu Kinh tế - xã hội chủ yếu tỉnh Tháng 4 năm 2019

Chỉ tiêu	ĐVT	Tháng 4 năm 2019	% tăng/giảm so cùng kỳ
1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	90,35	-9,65
- Khai khoáng	"	40,53	-59,47
- CN chế biến, chế tạo	"	100,10	0,10
- Sản xuất và phân phối điện	"	131,72	31,72
- Cung cấp nước, quản lý, xử lý rác thải	"	100,47	0,47
2. Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	657,32	16,32
3. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành	"	141,11	11,95
4. Số lượt khách du lịch	Ngàn lượt khách	121,519	18,15
- Khách nội địa - Ngàn lượt khách	"	104,494	46,41
- Khách quốc tế - Ngàn lượt khách	"	17,025	-45,92
5. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Tỷ đồng	52,61	12,17
6. Khối lượng hàng hóa vận chuyển	1.000 Tấn	199,60	10,83
7. Khối lượng hàng hóa luân chuyển	1.000 Tấn/ Km	9.280,30	13,25
8. Số lượt hành khách vận chuyển	1.000 HK	250,30	14,74
9. Số lượt hành khách luân chuyển	1.000 HK/ Km	37.866,50	15,65
10. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4 năm 2019 so với cùng kỳ năm trước	%	101,78	1,78
11. CPI tháng 4/2019 so tháng 12 năm trước	"	100,35	0,35
12.CPI tháng 4/2019 so với 3/2019	"	100,00	0,00
13. CPI tháng 4/2019 so với kỳ gốc 2014	"	105,04	5,04
14. Chỉ số giá vàng tháng 4/2019 so tháng 3/2019	"	99,81	-0,19
15. Chỉ số giá Đôla Mỹ tháng 4/2019 so tháng 3/2019	"	99,99	-0,01